SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN TỪ DŨ

DANH MỤC THUỐC
NĂM 2019

Lưu hành nội bộ

Tháng 8/ 2019

BỆNH VIỆN TỪ DŨ
NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH MỤC THUỐC KHÔNG KÊ ĐƠN NĂM 2019

Stt	Tên hoạt chất	Tên thành phẩm của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán (đồng)
	1) THUỐC GÂY TÊ (1 mặt hàng) :								
1	Lidocain hydroclorid khan	**Xylocaine Jelly Oin 2% 30g 10's**	2%	Gel	Dùng ngoài	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Tuýp	59,492
	2) THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID (7 mặt hàng) :								
2	Paracetamol 500mg	**Tatanol**	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Pymepharco	Việt Nam	Viên	350
3	Paracetamol	**Panadol viên sủi. 500mg**	500mg	Viên sủi	Uống	GlaxoSmithKline	Úc	Viên	2,149
4	Paracetamol	**Panalganeffer**	150 mg	Bột pha uống	Uống	CPDP Cửu Long	Việt Nam	Gói	430
5	Paracetamol	**Acepron 80**	80mg	Bột pha uống	Uống	CPDP Cửu Long	Việt Nam	Gói	408
6	Ibuprofen 400mg	**I-pain**	400mg	Viên nén	Uống	Pymepharco	Việt Nam	Viên	266
7	Paracetamol + Ibuprofen	**Protamol**	325mg + 200mg	Viên nén	Uống	Mekophar	Việt Nam	Viên	230
8	Acid mefenamic	**Dolfenal 500 mg**	500mg	Viên bao phim	Uống	United Pharma	Việt Nam	Viên	1,496
	3) THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG (1 mặt hàng) :								
9	Levocetirizin	**Ripratine**	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Me D Sun	Việt Nam	Viên	3,410
	4) THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG VÀ CHỐNG NHIỄM KHUẨN (10 mặt hàng) :								
	4.1) Thuốc chống virus (1 mặt hàng) :								
10	Aciclovir	**Acyclovir**	5%-5g	Kem	Bôi ngoài da	Medipharco-Tenamyd	Việt Nam	Tube	5,390

Stt	Tên hoạt chất	Tên thành phẩm của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán (đồng)
	4.2) Thuốc chống nấm (9 mặt hàng) :								
11	Clotrimazol	**Timbov**	500 mg	Viên đạn	Đặt âm đạo	Farmaprim	Moldova	Viên	65,805
12	Clotrimazol	**Calcrem**	1%, 15g	Kem bôi da	Bôi ngoài da	Satyam	Ấn Độ	Tube	14,044
13	Clotrimazol	**Canesten Vt6 Tab 100mg 6's**	100 mg	Viên nén	Đặt âm đạo	Bayer	Đức	Viên	10,326
14	Clotrimazol	**Canesten Vt1 Tab 500mg 1's**	500mg	Viên nén	Đặt âm đạo	Bayer	Đức	Viên	69,166
15	Clotrimazol	**Canesten 10mg/g cream 20g 1's**	10mg/g	Kem bôi da	Bôi ngoài da	Encube Ethicals	Ấn Độ	Tuýp	54,835
16	Clotrimazol	**Chimitol vaginal tablet 500**	500mg	Viên nén	Đặt âm đạo	Schnell	Hàn Quốc	Viên	53,500
17	Dequalinium chloride	**Fluomizin 10mg**	10mg	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Rottendorf	Đức	Viên	19,419
18	Ketoconazol	**Ketovazol 2%**	0,1g/5g	Thuốc dùng ngoài	Bôi ngoài da	Agimexpharm	Việt Nam	Tuýp	3,465
19	Miconazole	**Daktarin oral gel 200mg/10g B/1**	200mg/10g	Gel rơ miệng	Rơ miệng	Olic	Thái Lan	Tuýp	44,404
	5) THUỐC CHỐNG THIẾU MÁU (14 mặt hàng) :								
20	Sắt (III) hydroxyd polymaltose +acid folic	**Hezoy**	100 mg+ 0,35 mg	Viên	Uống	Bio Labs	Pakistan	Viên	3,520
21	Sắt nguyên tố(dưới dạng sắt (III) Hydroxyd polymaltose)	**Fogyma**	50mg/10ml	Dung dịch uống	Uống	CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	8,025
22	Sắt (III) Hydroxide Polymaltose và Acid Folid BP	**Saferon**	100mg + 500mcg	Viên nén nhai	Uống	Glenmark	Việt Nam	Viên	4,400

Stt	Tên hoạt chất	Tên thành phẩm của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán (đồng)
23	Sắt (III) hydroxid polymaltose	**Saferon drops**	750mg (50mg/ml)	Siro	Uống	Glenmark	Việt Nam	Chai	62,060
24	Sắt (III) Hydroxyd Polymaltose	**Maltofer Drop 30ml**	178,6mg/ml	Dung dịch uống giọt	Uống	Vifor	Switzerland	Hộp	132,300
25	Sắt protein succinylat	**Ferlatum**	800mg	Dung dịch uống	Uống	Italfarmaco	Tây Ban Nha	Lọ	19,795
26	Sắt (III) hydroxyd polymaltose +acid folic	**Maltofer Fol**	357mg + 0,35mg	Viên nhai	Nhai	Vifor SA	Switzerland	Viên	5,842
27	Sắt - Protein succinylate (tương ứng 40mg ion Fe III+) + Acid Folinic (dưới dạng Calci folinat pentahydrat: 0,235mg)	**Ferlatum Fol**	800mg + 0,185mg	Dung dịch uống	Uống	Italfarmaco	Tây Ban Nha	Lọ	29,425
28	Ferrous Sulfate + Acid folic	**Tardyferon B9**	50mg + 0,35mg	Viên nén giải phóng kéo dài	Uống	Pierre Fabre	Pháp	Viên	3,134
29	Sắt fumarat + acid folic + vitamin B12	**Ironic**	162mg + 0,75mg + 7,5mcg	Viên nang mềm	Uống	Me-Auspharm	Việt Nam	Viên	426
30	Fumarate iron + Folic Acid + Vitamin B12	**Ferrovit**	162mg + 0,75mg + 7,5mcg	Nang mềm	Uống	Mega Lifesciences	Thái Lan	viên	966
31	Polysaccharid Iron Complex + cyanocobalamin + acid folic	**Hemoqmom**	326,1mg 25mg 1mg	Viên nang cứng	Uống	Daewoong	Việt Nam	Viên	6,527
32	Sắt gluconat + Mangan gluconat + Đồng gluconat	**Tot'hema**	50mg + 1,33mg + 0,7mg	Dung dịch uống	Uống	Innothera Chouzy	Pháp	Ống	5,198
33	Sắt Fumarat	**Tarfloz (Fe: 99mg)**	300mg	Viên nén không bao	Uống	Celogen	India	Viên	3,905

Stt	Tên hoạt chất	Tên thành phẩm của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán (đồng)
	6) THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH DA LIỄU (2 mặt hàng) :								
34	Xanh methylen + Tím Gentian	**Dung dịch Milian**	400mg + 50mg	Thuốc dùng ngoài	Bôi ngoài da	OPC	Việt Nam	Chai	11,235
35	Clobetasone Butyrate (dưới dạng micronised)	**Eumovate 5g Cre 0,05% 5g**	5g (0,05%)	Kem bôi ngoài da	Bôi ngoài da	Glaxo Operations	Anh	Tuýp	21,688
	7) THUỐC TẨY TRÙNG VÀ SÁT KHUẨN (13 mặt hàng) :								
36	Alpha - terpineol	**Woncyd**	0,01g/ml	Dung Dịch	Dùng ngoài (PK)	Đồng Nai	Việt Nam	Chai	105,000
37	Alpha - terpineol	**Phytogyno 100ml**	0,3g	Dùng ngoài	Dùng ngoài (PK)	Opodis Pharm	Việt Nam	Chai	17,655
38	Clotrimazol	**Sovasol**	0,5mg/ml	Dung dịch	Dùng ngoài (PK)	CTCPD & VTYT Bình Thuận	Việt Nam	Chai	69,550
39	Natri Clorid 0,9%-500ml	**Natri clorid 0,9%**	0,9g/500 ml	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài	DP3/2	Việt Nam	Chai	7,640
40	Povidone Iodine	**Betadine Vaginal Douche 10% 125ml**	10% 125ml	Dung dịch sát trùng âm đạo	Dùng ngoài (PK)	Mundipharma	Cyprus	Chai	45,367
41	Povidone iodine	**Povidone**	10%	Dung dịch dùng ngoài	Bôi ngoài da	Agimexpharm	Việt Nam	Chai 20ml	3,300
42	Clotrimazole 0,05%	**Camisept 200ml**	0,05% (100mg/200ml)	Dung dịch	Dùng ngoài (PK)	US Pharma	Việt Nam	Chai	85,049
43	Đồng sulfat khan + Natri fluorid	**Ladyformine**	40mg + 40mg	Viên nén sủi	Dùng ngoài (PK)	US Pharma	Việt Nam	viên	8,346
44	Đồng sulfat	**Gynocare**	0,1g	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài (PK)	Vidipha	Việt Nam	Tuýp	32,100
45	Tea Tree Oil (Tinh dầu tràm trà)	**Gyfor 100ml**	0,4g/100ml	Dung dịch rửa phụ khoa	Dùng ngoài (PK)	DP 3/2	Việt Nam	Lọ	30,815

Stt	Tên hoạt chất	Tên thành phẩm của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán (đồng)
46	Mangiferin	**Mydugyno**	0.005	Dung dịch	Dùng ngoài (PK)	Nature	Việt Nam	Chai	131,142
47	Lactoserum +Acid Lactid	**Lactacid BB**	0,93 g +1 g	Dung dịch	Dùng ngoài	Sanofi	Việt Nam	Chai	49,646
48	Mangiferin	**Dung dịch vệ sinh Manginovim**	0.002	Gel	Dùng ngoài (PK)	Nature	Việt Nam	Chai	48,150
	8) THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HOÁ (10 mặt hàng) :								
	8.1) Thuốc chống loét dạ dày, tá tràng (1 mặt hàng) :								
49	Aluminium phosphate 20% gel	**Phosphalugel Susp. 20%**	12,38g/gói 20g	Hỗn dịch uống	Uống	Pharmatis	Pháp	Gói	4,126
	8.2) Thuốc điều trị tiêu chảy (1 mặt hàng) :								
50	Diosmectite	**Smecta (Orange-Vanilla) Sac 30's**	3g	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Ipsen	Pháp	Gói	3,823
	8.3) Thuốc nhuận tràng (4 mặt hàng) :								
51	Lactulose (dưới dạng lactulose concentrate)	**Duphalac Syr. 15ml**	10g/15ml	Dung dịch uống	Uống	Abbott	Hà Lan	Gói	3,001
52	Sorbitol + Natri citrat	**Sathom 10g**	5g + 0,72g	Gel thụt trực tràng	Bơm hậu môn	Merap	Việt Nam	Tuýp	16,260
53	Sorbitol + Natri citrat	**Bibonlax 8g**	4g + 0,576g	Gel	Bơm hậu môn	DP Hà Nội	Việt Nam	Tuýp	10,165
54	Glycerin	**Rectiofar 3 ml**	1,79 g/3ml	Dung dịch	Bơm hậu môn	Pharmedic	Việt Nam	Ống	2,050
	8.4) Thuốc khác (4 mặt hàng) :								
55	Bacillus subtilis + Lactobacillus acidophilus	**Merika fort**	200 triệu (CFU) + 1 tỷ (CFU)	Bột	Uống	Vắc xin Pasteur Đà Lạt	Việt Nam	Gói	3,080
56	Simethicon	**Air-X drops**	40mg/0,6ml - chai 15ml	Hỗn dịch uống	Uống	Polipharm	Thái Lan	Chai	20,559

Stt	Tên hoạt chất	Tên thành phẩm của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán (đồng)
57	Bacillus Clausii	**Enterogermina**	2 tỷ bào tử -5 ml	Hỗn dịch uống	Uống	Sanofi	Việt Nam	Ống	6,106
58	Simethicon + Dill oil + Fennel oil	**Colicare (Drops)**	1ml chứa: 40mg + 0,005ml + 0,0007	Nhũ tương nhỏ giọt uống	Uống	Meyer	Ấn Độ	Chai	40,660
	9) THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH MẮT, TAI MŨI HỌNG (3 mặt hàng) :								
	9.1) Thuốc điều trị bệnh mắt (1 mặt hàng) :								
59	Natri clorid	**Natri clorid 0,9 % 10ml**	0,09g	Dung dịch	Nhỏ mắt	Bidiphar	Việt Nam	Chai	1,594
	9.2) Thuốc tai, mũi, họng (2 mặt hàng) :								
60	Tyrothricin + Tetracain hydroclorid	**Tyrotab**	1mg + 0,1mg	Viên nén	Ngậm	Pharmedic	Việt Nam	Viên	338
61	Tyrothricin + Benzalkonium + Benzocain	**Dorithricin**	0,5mg + 1mg + 1,5mg	Viên nén	Ngậm	Medice Arzneimittel Putter	Đức	Viên	2,200
	10) THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP (3 mặt hàng) :								
62	Húng chanh + Núc nác + Cineol	**Hoastex**	45g + 11,25g + 83,7mg	Sirô	Uống	OPC	Việt Nam	Chai	33,705
63	Eucalyptin	**Eucalyptine**	100mg	Viên nang mềm	Uống	DP3/2	Việt Nam	Viên	362
64	Cao khô lá thường xuân	**Siro ho Haspan 90ml**	700mg (tương đương 3,62g lá thường xuân)/100ml	Siro	Uống	Việt Nam	Việt Nam	Chai	60,454